

Số: /BC - UBND
(Dự thảo)

Tân Trường, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2024 xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

Xã Tân Trường nằm ở phía Tây Nam thị xã Nghi Sơn, là xã bán sơn địa. Phía Bắc giáp các xã Tùng Lâm, Phú Lâm; phía Nam giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; phía Đông giáp phường Mai Lâm và phía Tây giáp xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.

Trung tâm xã cách thị xã Nghi Sơn 15 km về phía Tây Nam. Địa bàn xã có các tuyến đường huyết mạch của quốc gia và các tuyến đường tỉnh lộ, liên xã đi qua như: Đường Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc – Nam; Đường Nghi Sơn – Bãi Trành, đường 2B (nay được đặt tên là đường Nguyễn Trinh Thụ), đặc biệt là có nút giao của đường cao tốc Bắc – Nam rất thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa, góp phần vào sự phát triển Kinh tế - Xã hội, giao lưu văn hóa cho Nhân dân trên địa bàn.

Diện tích tự nhiên 3.841,64 ha, trong đó: đất nông nghiệp 2.758 ha (đất sản xuất nông nghiệp 1.013 ha, đất lâm nghiệp 1.643,88 ha, đất nuôi trồng thủy sản); đất phi nông nghiệp 749,61 ha (đất ở 127,95ha), đất chưa sử dụng 334 ha. Là xã có diện tích lớn trong thị xã Nghi Sơn, chiều dài của xã hơn 10km, chiều ngang khoảng 3,8km.

Tính đến cuối năm 2024 xã có 2.174 hộ, 8.434 nhân khẩu, xã có hai dân tộc sinh sống là dân tộc Kinh và Thái. Dân tộc Kinh chiếm 89,2%, dân tộc Thái chiếm 10,8%.

Xã có địa hình phần lớn là đồi núi, có rừng tái sinh và rừng trồng nằm phía Tây xã, có tới trên 400ha diện tích núi đá vôi. Ngoài ra còn có mỏ chì, mỏ kẽm, mỏ sắt Calamin. Đất 2 lúa chủ yếu nằm ở phía Đông và khu trung tâm xã có ba đập lớn, đập Kim giao I, đập Kim giao II, đập Khe tuần cung cấp đủ nước sinh hoạt và sản xuất hàng năm; phía Đông nước mặn từ lạch Bạng dâng lên, tạo thành vùng trũng nước lợ, tạo điều kiện cho việc nuôi trồng thủy sản.

Tân Trường là một xã mới thoát khỏi vùng kinh tế đặc biệt khó khăn từ năm 2021. Được sự quan tâm chỉ đạo của thị xã, những năm gần đây xã nhà đã triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành 19 tiêu chí trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đây là sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị và Nhân dân địa phương, giai đoạn này đánh dấu bước phát triển mới về nhiều lĩnh vực, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Nền kinh tế xã nhà phát triển phát triển theo hướng bền vững hơn người dân chú trọng áp dụng khoa học – kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, giải phóng sức lao động thay bằng máy móc thiết bị hiện

đại hơn. Nhờ vào địa hình thuận lợi, nhiều công ty, doanh nghiệp đã đầu tư mạnh mẽ vào địa phương, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người dân địa phương.

Kinh tế có bước phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm luôn đạt khá, năm sau cao hơn năm trước. Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 61,5 triệu đồng/người/năm.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được diễn ra thường xuyên, rộng khắp. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư luôn đạt kết quả tốt: trên 80% các khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa, trên 76% gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu Gia đình văn hóa; 100% cơ quan đạt cơ quan văn hóa.

Đơn vị hành chính xã được chia thành 11 thôn và 17 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã; trong đó, có 11 Chi bộ khối nông thôn, 3 Chi bộ nhà trường, 01 Chi bộ Trạm y tế, 01 Chi bộ Công an xã và 01 Chi bộ Quân sự. Đảng bộ có 353 đảng viên, hàng năm có trên 95% số Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ; Đảng bộ hàng năm đều được thị uỷ công nhận là Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội luôn đạt xuất sắc, tiên tiến, dẫn đầu các phong trào thi đua. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, đời sống nhân dân được nâng cao; Cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương luôn một lòng tin theo Đảng, thực hiện tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng như các quy định khác của địa phương. Tích cực chung sức xây dựng nông thôn mới, tích cực đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, luôn đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giúp nhau giảm nghèo bền vững.

2. Thuận lợi

Xã Tân Trường có vị trí địa lý tương đối thuận lợi về giao thông và có nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào trong khu kinh tế Nghi Sơn nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, mở rộng các loại hình kinh doanh, dịch vụ, giao thương hàng hoá, thuận lợi để tiếp cận với các tiến bộ khoa học, công nghệ và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh nâng cao hiệu quả.

Trong suốt quá trình thực hiện Chương trình, địa phương luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối NTM Tỉnh Thanh Hóa; Ban Thường vụ Thị uỷ - BCĐ XD NTM thị xã; sự hướng dẫn cụ thể của các cấp, các ngành; đồng thời được thụ hưởng đầy đủ các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước về: Chính sách an sinh xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó là sự đồng thuận, trách nhiệm với nhiệm vụ và thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể nhân dân trong xã, là những thuận lợi cơ bản để cấp ủy, chính quyền và nhân dân xây dựng thành công các tiêu chí NTM.

Kế thừa và xây dựng Nông thôn mới trên nền tảng nông thôn vững chắc, lâu đời; công tác quy hoạch được giữ gìn và điều chỉnh hợp lý, kết cấu hạ tầng thường xuyên được quan tâm đầu tư qua các thời kỳ. Bên cạnh đó, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương, kinh doanh buôn bán hàng hoá; tiếp cận với các

phương pháp và áp dụng các mô hình, các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào kinh doanh, sản xuất nông nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Đảng bộ, Chính quyền luôn giữ vững sự đoàn kết, hệ thống chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững; đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên định, có phẩm chất và năng lực, nhiệt huyết với nhiệm vụ; nhân dân cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, nhận thức đúng đắn, tự giác, hăng hái hưởng ứng phong trào xây dựng Nông thôn mới.

3. Khó khăn

Xây dựng xã NTM với khối lượng công việc tương đối lớn, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ, thời gian từ tiếp thu chủ trương, xây dựng đề án đến triển khai thực hiện ngắn; nhiều hạng mục, tiêu chí khá phức tạp, các hướng dẫn và cơ chế chính sách chưa thật cụ thể, rõ ràng, gây không ít khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Là một xã nông, phần lớn thu nhập của nhân dân trong xã là từ nông nghiệp, nên việc huy động đóng góp để thực hiện xây dựng NTM còn hết sức khó khăn.

Bên cạnh sự phát triển, sự đổi mới của xã hội. Nếu không có định hướng trong việc xây dựng NTM sẽ dễ rơi vào tình trạng nóng vội, chủ nghĩa hình thức, bệnh thành tích và phản tác dụng.

Xu thế xã hội, môi trường sống, làm việc đã thu hút một bộ phận không nhỏ thanh niên đi làm việc tại các khu công nghiệp ở các tỉnh, do đó tỷ lệ người cao tuổi, trẻ em ở nông thôn ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Đây là những vấn đề khó cho quá trình huy động nhân lực để thực hiện xây dựng NTM.

Nguồn lực cần để đầu tư xây dựng xã Nông thôn mới rất lớn, dàn trải trên nhiều lĩnh vực; ngân sách xã và sự hỗ trợ từ ngân sách cấp trên hạn hẹp, huy động vốn từ cộng đồng dân cư thấp; một lực lượng lớn lao động trẻ, khỏe có trình độ tay nghề đi làm ăn xa, dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động có chất lượng.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Quyết định số 318 /QĐ –TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số: 25/2024/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Thanh Hóa ngày 26/06/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Công văn số: 744/VPĐP-NV ngày 03 tháng 10 năm 2022 của BCĐ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, Văn phòng điều phối NTM về việc tài liệu hướng dẫn đánh giá, thẩm tra, thẩm định mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí và hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025;

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng xã NTM, BCH Đảng bộ xã đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định:

Kế hoạch số 85/KH – UBND ngày 12/02/2024 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc Thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thị xã Nghi Sơn năm 2024.

Nghị quyết số: 30-NQ/ĐU ngày 26/01/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Tân Trường về lãnh đạo xây dựng Nông thôn mới năm 2024;

Kế hoạch số: 30/KH-UBND ngày 05/3/2024 về Thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới năm 2024.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn :

a. Công tác truyền thông :

Ban Chỉ đạo XD NTM xã Tân Trường đã bám sát nội dung, mục tiêu chương trình theo các văn bản của cấp trên và của địa phương, triển khai sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã; Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền phong phú như treo 100 áp phích, khẩu hiệu tại các tuyến đường trục chính, nhà văn hóa thôn, trường học; đăng bài trên trang thông tin điện tử của xã về nông thôn mới; Làm 3 cụm Pano tuyên truyền trực quan tại trụ sở UBND xã và các điểm trung tâm xã; vận động nhân dân tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới như phong trào thi đua sản xuất giỏi của Hội nông dân; Hội phụ nữ phát động phong trào “5 không 3 sạch”, “mô hình nhà sạch vườn đẹp”, “từ phế liệu đến triệu phần quà” “Đàn bò tình thương”; Đoàn TN với phong trào “Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc”, Cựu chiến binh với phong trào “Đoạn đường tự quản”... tổ chức được hàng trăm buổi tuyên truyền thông qua hội nghị nhân dân, các hội, đoàn thể triển khai đến đoàn viên, hội viên; niêm yết nội dung các tiêu chí xã, thôn để nhân dân được biết và thực hiện; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tại các tuyến đường xã, đường thôn được quan tâm; số tuyến đường được trồng cây bóng mát trồng hoa, cây cảnh ven đường và khuôn viên các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã là Bên cạnh đó BCĐ xã tích cực chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, cấp ủy Chi bộ động viên, tuyên truyền đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện.

- Đối với MTTQ, Hội CCB, Hội NCT kết hợp với khối Văn hóa tổ chức tuyên truyền vận động các Chủ trương, Nghị quyết, chính sách của HĐND, Đảng ủy, UBND xã, các cấp các ngành cấp trên và thường xuyên có những tin bài kịp thời về các phong trào thi đua xây dựng Nông thôn mới.

- Hội nông dân, Hội Phụ nữ xã đi đầu trong việc quy hoạch vùng sản xuất cây hàng hóa tập trung; Hội làm vườn, HTXNN cùng kết hợp với UBND xã chăm lo phát triển và ổn định đời sống kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập đời sống của nhân dân.

- Đoàn Thanh niên phối hợp khối văn hóa thường xuyên tuyên truyền, vận động các đoàn viên sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội, tham gia các hoạt động văn- thể- mỹ do Đoàn đội tổ chức, tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp, tình nguyện phát dọn

hành lang đường làng, ngõ xóm; tạo các khu vui chơi cho người già và trẻ em tại nhà văn hóa thôn, vẽ đường tranh bích họa...

b. Công tác đào tạo, tập huấn:

Về số lượng cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức xây dựng NTM: Năm 2024 xã có 1.950 người tham gia các lớp tập huấn (bao gồm 05 người tham gia lớp tập huấn do Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thị tổ chức; UBND xã tổ chức các lớp tập huấn cho 1.945 người gồm Lãnh đạo UBND xã, cán bộ, công chức xã, Ban phát triển thôn, cán bộ, Đảng viên và người dân trên địa bàn).

Thông qua đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, các văn bản chỉ đạo, cơ chế, chính sách mới của Trung ương, của tỉnh, của huyện và của xã được truyền tải đến từng người dân và đội ngũ cán bộ xã, cán bộ thôn kịp thời nắm bắt để thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn xã. Đồng thời nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực - kỹ năng quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ cho cán bộ xây dựng nông thôn mới ở cấp xã, thôn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

a. Công tác phát triển kinh tế nông thôn:

Sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tập trung chỉ đạo đưa các giống lúa năng suất cao, tiềm năng vào gieo trồng như: Thái Xuyên 111, MHC2, CT16, SYN98,... đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa máy móc vào sản xuất, thâm canh tăng năng suất cây lúa bình quân tăng từ 45 tạ/ha năm 2015 lên 62 tạ/ha năm 2024;

Tập trung thực hiện chương trình cải tạo vườn tạp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tích tụ đất đai theo tinh thần Nghị quyết 13 của tỉnh, xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống cho người nông dân, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, ổn định chính trị xã hội và bảo vệ môi trường. Trong đó, những năm gần đây nhân dân đã tích cực chuyển đổi, cải tạo vườn tạp để trồng cây có múi (cam, quýt,...) và các loại cây có giá trị kinh tế cao như sắn dây, ổi,....

Chăn nuôi được chỉ đạo theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang mô hình gia trại. Trong thời gian qua mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả biến động ngành chăn nuôi vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định và có 02 trang trại chăn nuôi lợn lớn với quy mô hàng trăm lợn nái; đồng thời đang chuyển dịch theo hướng chăn nuôi con đặc sản như lợn cỏ, dê, dúi, gà đồi, ốc lồi..... góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Tổng giá trị thu nhập từ nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 ước đạt 71 tỷ đồng .

b. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn:

Cấp ủy, chính quyền xã trong những năm qua không ngừng tạo điều kiện nhằm phát triển đa dạng hóa ngành nghề nông thôn, tập trung vào một số ngành

ngành chính như: khai thác khoáng sản, xây dựng, dịch vụ vận tải, cơ khí và chế biến nông lâm sản. Năm 2024 ngành tiểu thủ công nghiệp của địa phương có tốc độ tăng trưởng khá.

c. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

Năm 2024 tổng giá trị thu nhập trong xã : 518,116 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt: 61,5 triệu đồng/người/năm.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp trong phát triển kinh tế; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo, ưu tiên hộ nghèo có phụ nữ, người tàn tật, hộ chính sách, người có công; chính sách cho người dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2024 giảm còn 0,58%.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới từ năm 2020 đến năm 2024.

Tổng nguồn vốn đầu tư huy động trong xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, thị xã, nguồn ngân sách xã và nhân dân là: 226.923 triệu đồng. Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương là 12.768 triệu đồng; chiếm 5,63%
- + Ngân sách tỉnh: 5.763,3 triệu đồng, chiếm 2,54%
- + Ngân sách thị xã là 8.695,2 triệu đồng, chiếm 3,83%
- + Ngân sách xã 42.016 triệu đồng, chiếm 18,51%;
- Vốn lồng ghép 0 triệu đồng, chiếm 0 %;
- Vốn tín dụng 0 triệu đồng, chiếm 0 %
- + Cộng đồng dân cư 157.681 triệu đồng, chiếm 69,49%. (Ngày công, hiến đất, tiền mặt, xây dựng các công trình công cộng, và nhân dân xây dựng, sửa chữa chỉnh trang nhà ở)

* Đóng góp bằng tiền mặt để xây dựng các công trình trong thôn 1.200 triệu đồng.

* Hiến đất, hiến vật quy ra giá trị 480,5 triệu đồng.

* Vốn nhân dân tự bỏ ra đầu tư xây dựng chỉnh trang nhà ở, xây dựng các công trình phụ 156.000 triệu đồng.

- Hiện nay trên địa bàn xã không còn nợ đọng về xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí đạt 100% cụ thể:

1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn: Đạt

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạchb. Kết quả thực hiện tiêu chí: Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

Theo Quy hoạch chung điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018, xã Tân Trường thuộc quy hoạch phân khu đô thị số 14, một phần phân khu đô thị số 15; một phần các phân khu công nghiệp số 03, 04, 12, 15; phân khu sinh thái ST-07; phần còn lại chủ yếu là đất đồi núi.

Hiện nay, Quy hoạch các phân khu đô thị, công nghiệp trên địa bàn xã Tân Trường đã được UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

- Phân khu đô thị số 14 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 16/6/2023.

- Phân khu đô thị số 15 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4374/QĐ-UBND ngày 06/12/2013; phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 13/11/2023.

- Phân khu công nghiệp số 03 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 05/4/2016.

- Phân khu công nghiệp số 04 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 25/6/2024.

- Phân khu công nghiệp số 12 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4786/QĐ-UBND ngày 29/11/2021.

- Phân khu công nghiệp số 15 Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 25/6/2024.

- Phân khu sinh thái ST-07 (khu sinh thái sân golf hồ Khe Tuần, hồ Kim Giao 1) Khu kinh tế Nghi Sơn, UBND tỉnh đã có Công văn số 705/UBND-CN ngày 16/01/2023 về việc triển khai lập các quy hoạch phân khu du lịch sinh thái trong Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; trong đó giao Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tổ chức lập.

Về cơ bản, ranh giới xã Tân Trường nằm trong các quy hoạch phân khu đô thị, phân khu công nghiệp, phân khu sinh thái, đất đất đồi núi theo Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, được định hướng phát triển công nghiệp, đô thị, sinh thái.

2.1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

a. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Trên cơ sở nội dung các đồ án đã được UBND tỉnh phê duyệt, UBND xã Tân Trường đã triển khai thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy định quản lý quy hoạch phân khu.

b. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch:

Hiện nay, UBND xã Tân Trường đang quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng tuân thủ theo Quy hoạch

chung Khu kinh tế Nghi Sơn, các quy hoạch phân khu được UBND tỉnh phê duyệt và quy hoạch chi tiết có liên quan.

Một số các Quy hoạch chi tiết các dự án thực hiện trên địa bàn xã gồm: Tổng mặt bằng dự án xi măng Công Thanh (thuộc quy hoạch phân khu công nghiệp CN-14); QHCT dự án trạm đập đá vôi, trạm đập sét, bãi quy xe, tập kết nguyên liệu phục vụ nhà máy xi măng Đại Dương 1,2 tại Khu kinh tế Nghi Sơn phê duyệt tại Quyết định 173/QĐ-BQL KKTNS&KCN ngày 21/6/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN; QHCT dự án nhà máy xi măng Đại Dương (gồm dự án Nhà máy xi măng Đại Dương 1 và dự án nhà máy xi măng Đại Dương 2) tại Khu kinh tế Nghi Sơn phê duyệt tại Quyết định 133/QĐ-BQL KKTNS&KCN ngày 10/6/2020 (thuộc phân khu CN-13); Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỉ lệ 1/500 dự án Nhà máy sản xuất cát nhân tạo tại xã Tân Trường và xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định 470/QĐ-BQL KKTNS&KCN ngày 04/10/2024; QHCT xây dựng tỉ lệ 1/500 Dự án số 1, tổ hợp hóa chất Đức Giang Nghi Sơn tại xã Tân Trường và xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định 382/QĐ-BQL KKTNS&KCN ngày 05/8/2024; Quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1/500 dự án: Xây dựng mới Trạm Y tế Tân Trường, thị xã Nghi Sơn tại Quyết định số 6867/QĐ-UBND ngày 12/8/2024; QHCT xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu tái định cư tại thôn 7, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn thuộc dự án Di dân, sắp xếp dân cư, tái định cư một số hộ dân thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 4340/QĐ-UBND ngày 19/5/2022; Điều chỉnh cục bộ QHCT xây dựng tỉ lệ 1/500 dự án mở rộng khuôn viên Trường Tiểu Học và Trường Mầm Non xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn tại Quyết định số 7100/QĐ-UBND ngày 02/8/2022; QHCT dự án Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn được Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 71/QĐBQLKKTNS&KCN ngày 03/3/2021.

Quy hoạch chi tiết các dự án, khu dân cư, tái định cư phù hợp Quy hoạch chung điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn, các quy hoạch phân khu công nghiệp, đô thị và tình hình phát triển kinh tế xã hội của thị xã Nghi Sơn nói chung và xã Tân Trường nói riêng.

c. Tự đánh giá: Đạt

2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt 100% (Chiều rộng mặt đường $\geq 3,5\text{m}$; chiều rộng nền đường $\geq 6,5\text{m}$)

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: đạt 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: đạt 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: đạt 100% (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có 91 tuyến đường, tổng chiều dài các loại đường là: 61.665 m.

Trong đó:

- Đường xã và đường trung tâm xã đến đường huyện: Gồm 02 tuyến, tổng chiều dài là 9.400 m đã được nhựa hoá, bê tông 9.400 đạt tỷ lệ 100%

- Đường trục thôn và liên thôn: Gồm 45 tuyến, tổng chiều dài 35.020 m đã được nhựa hóa và bê tông hóa 27.140 m đạt 77,4%

- Đường ngõ xóm: Gồm 36 tuyến, tổng chiều dài là 12.755 m đã bê tông hóa 11.020 m đạt tỷ lệ 86,4%

- Đường trục chính nội đồng: Gồm 9 tuyến, tổng chiều dài là 4.490 m đã bê tông hóa 3.740 m đạt tỷ lệ 83,3 %

- Số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước mặt đường và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn xã là 4.200 m đạt 53%

c. Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chí số 3: Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai

a. Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: Đạt.

3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Đạt.

b. Kết quả thực hiện:

3.1. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

*** Theo thống kê, kiểm kê diện tích đất đai xã Tân Trường:**

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: đất trồng cây hàng năm 58,25 ha; Đất trồng lúa: 367,1 ha, Đất trồng cây hàng năm khác 35,0 ha; Đất trồng cây lâu năm 20,0 ha

- Diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản 10,2 ha

- Diện tích đất Phi nông nghiệp 285,12 ha

Diện tích đất nông nghiệp được gieo trồng theo kế hoạch

Diện tích đất nông nghiệp được gieo trồng theo kế hoạch, diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới theo kế hoạch, và diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động. Tổng diện tích đất sản xuất, gieo trồng theo kế hoạch của năm 2024 là 477,6ha (Trong đó vụ chiêm xuân: 418,3 ha, trong đó cây lúa 354,7 ha; Vụ mùa: 477,6 ha, trong đó cây lúa 402,1 ha; Vụ Đông 58,25 ha chủ yếu là đậu đỗ, ngô, khoai lang...).

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới

Diện tích đất sản xuất, cần tưới theo kế hoạch của năm 2024 là 477,6 ha trong đó (Vụ Chiêm xuân: 375,7 ha, trong đó cây lúa 354,7 ha , cây màu khác 21,0 ha; Vụ Mùa : 402,1ha, trong đó cây lúa 367,1 ha , cây màu khác 35,0 ha; Vụ Đông 58,25 ha chủ yếu là đậu đỗ, ngô, khoai lang...)

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động

Diện tích đất sản xuất, cần tưới theo kế hoạch của năm 2024 là 660,5ha (trong đó: Vụ Chiêm xuân: 330,25 ha trong đó cây lúa 296,85ha , cây màu khác 14,7 ha; Vụ Mùa : 330,25 ha trong đó cây lúa 296,85 ha , cây màu khác 14,7 ha; Vụ Đông 0 ha chủ yếu là đậu đỗ, ngô, khoai lang...)

+ Diện tích đất nông nghiệp được tiêu bằng hệ thống kênh tiêu C1 và C2 và hệ thống Hồ Kim Giao 1,2; Hồ Khe Tuần do công ty TNHH một thành viên sông Chu quản lý. Và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tân Trường

+ Diện tích tiêu tự chảy ra sông, suối: 250,6 ha khu vực đồng, bãi trong chảy ra hệ thống sông Kênh nhà Lê (không tiêu qua công trình thủy lợi).

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã được cấp, thoát nước chủ động là 10,2 ha, trong đó:

+ Diện tích cấp, thoát nước bằng các biện pháp khác không có.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cần cấp thoát nước 10,2 ha

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước 0 ha cụ thể:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: nuôi trồng trong các ao, hồ nhỏ do các hộ dân tự chủ động về nước.

*** Nội dung đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu 3.1 tiêu chí số 3 – tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.**

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động, xác định như sau:

Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới 660,5 ha.

Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch 660,5 ha.

+ Diện tích đất lúa chiêm xuân 354,7 ha

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 83,7%

$$T_{tưới} = \frac{296,85}{354,7} \times 100\% = 83,7 \%$$

+ Diện tích đất lúa mùa 367,1 ha

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 83,7%

$$T_{tưới} = \frac{296,85}{367,1} \times 100\% = 80,8 \%$$

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động, xác định như sau:

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu 477,6 ha.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã : 477,6 ha.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 100%.

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{477,6}{477,6} \times 100\% = 100\%$$

Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối được cấp, thoát nước chủ động (chỉ đánh giá đối với các xã có đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất làm muối), xác định như sau:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp, tiêu thoát nước đảm bảo 0 ha.

3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:

*** Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

Tổ chức bộ máy:

a) Có Ban chỉ huy PCTT và TKCN được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, tại Quyết định số 65/QĐ - UBND ngày 15/8/2014 gồm 31 người, hàng năm được kiện toàn lại.

b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phụ trách các cơ sở phù hợp với điều kiện của địa phương.

Nguồn nhân lực:

a) Có 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai, được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ chỉ huy để tổ chức ứng phó kịp thời với thiên tai xảy ra.

- Các hộ nhân dân sống gần bờ đê Khe Tuần, Kim giao 1-2, các khu vực trũng thấp được phổ biến kiến thức về PCTT. Những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được cắm biển cảnh báo.

*** Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.**

Phương án phòng, chống thiên tai.

Xã xây dựng Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 10/5/2024 Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự năm 2024 trên địa bàn xã Tân Trường.

(Kèm theo Quyết định số 167/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Trường về việc kiện toàn ban chỉ huy phòng chống thiên tai - TKCN và phòng thủ dân sự năm 2024 gồm 34 thành viên, có phân công danh sách cụ thể các thành viên phụ trách các đơn vị).

Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Hàng năm có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt.

a, Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã phải chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động từ 100% số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu.

b) Có 100% tổ chức và từ 100% số hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt và theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TW về PCTT - Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

Hàng năm xây dựng kế hoạch đăng ký phân bổ, giao chỉ tiêu phương tiện vật chất đảm bảo cho phương án PCTT-TKCN. Cụ thể: Năm 2024 ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 về giao chỉ tiêu lực lượng, vật tư, phương tiện PCTT -TKCN bổ sung, kèm theo bảng phân chia vật tư cho các đơn vị ngoài các chỉ tiêu đã giao theo năm 2024.

*** Về cơ sở hạ tầng thiết yếu.**

Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng.

100% cơ sở hạ tầng được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai

a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

- Phát tin trên hệ thống loa phát thanh của xã (Được thể hiện trong Phương án ứng phó, khắc phục thiên tai do UBND xã lập)

b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo: các vị trí ao hồ, khu trạm bơm trong xã được lắp biển cảnh báo.

Trên địa bàn xã Tân Trường vùng có nguy cơ cao về rủi ro do các loại hình thiên tai (mưa bão, ngập lụt) là địa bàn thôn 3, thôn Thông Bái (Khu vực cánh đồng Hối nhất và đập họ) diện tích: 150 ha với 348 hộ, 1320 nhân khẩu bị ảnh hưởng; Vùng có nguy cơ trên đã được xã cấm biển cảnh báo “khu vực có nguy cơ ngập lụt”.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Đối với hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất có 21,4 km kênh mương đã được kiên cố 19,2 km đạt: 89,7 %.

Hàng năm và theo thời vụ các thôn đều tổ chức cho nhân dân nạo vét các tuyến mương đảm bảo phục vụ cho việc tưới tiêu tốt cho cây lúa, cây màu sinh trưởng và phát triển.

Về phòng chống thiên tai hàng năm Ban chỉ huy phòng chống thiên tai ở xã đã phân công cụ thể các thành viên chỉ đạo chuẩn bị, các loại vật tư, phương tiện theo phương châm "4 tại chỗ" theo kế hoạch phân bổ của thị xã cho xã kiểm tra, xác định cụ thể những công trình trọng yếu, các khu dân cư có nguy cơ bị ngập lụt, bị ảnh hưởng do sạt lở đất, ảnh hưởng do lũ ống, lũ quét, tố lốc, có phương án ứng phó với mọi tình huống xảy ra, giao nhiệm vụ cho các thành viên

trực tiếp kiểm tra , thực hiện triển khai phương án. Chuẩn bị theo phương châm 4 tại chỗ, trong đó chú trọng kiểm tra vật tư, phương tiện và lực lượng phục vụ cho công tác phòng chống, khi có thiên tai hỏa hoạn xảy ra theo phương án BCH PCTT&TKCN xã xây dựng đã được phê duyệt. Hệ thống thủy lợi, công tác phòng chống thiên tai của xã đảm bảo theo quy định và đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh.

c. Đánh giá: Đạt

4. Tiêu chí số 4: Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí:

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt

4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 98\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn: Hiện nay, hệ thống điện của xã do Điện lực Nghi Sơn, vận hành lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp. Có hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Toàn xã đã có 16 trạm biến áp
- Số lượng đường dây hạ áp 3 pha 4 dây: 36 411 m
- Số lượng đường dây hạ áp 2 pha 3 dây: 0 m
- Số lượng đường dây 1 pha 2 dây: 13 437 m
- Số công tơ đo đếm:
- + Công tơ 1 pha: 2433 cái
- + Công tơ 3 pha: 133 cái
- Số hộ sử dụng điện trên địa bàn: 2208 hộ
- Tổng số cột điện trên địa bàn: 1138 cột
- Trạm biến áp phân phối:
- + Có hệ thống tiếp địa trạm đảm bảo theo quy định hiện hành.
- + Đảm bảo về nguồn cung cấp và chất lượng điện cho người dân.
- + Số công tơ đo đếm điện năng cho nhân dân còn trong thời gian kiểm định, đảm bảo quy định hiện hành.
- + Cột trạm được thiết kế là cột bê tông ly tâm, móng cột bê tông, các xà giá máy đỡ biến áp, thang treo.... được mạ kẽm nhúng nóng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.
- Đường dây hạ áp có khoảng cách thẳng đứng đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư: $> 5,5\text{m}$ cơ bản đảm bảo theo quy định hiện hành.
- + Khoảng cách đến mặt đường ô tô: $> 5\text{m}$
- + Có hệ thống tiếp đất
- Hệ thống công tơ điện và dây dẫn vệ các hộ gia đình
- + Hòm đựng công tơ: Dùng để đặt công tơ, đảm bảo tiêu chuẩn
- + Công tơ điện: Dùng cho các hộ gia đình, đã được đảm bảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
- + Dây nối dẫn vào các hộ dân: Phần lớn là dây bọc, đảm bảo về chất lượng dẫn điện và an toàn điện.

- Có hệ thống điện lưới Quốc gia và hệ thống các trạm biến áp, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân. Đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: Có 2208/2208 hộ, đạt 100%.

- Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình.

- Hệ thống điện ngoài nhà đạt các tiêu chí theo phương pháp đánh giá nêu trong phụ lục đính kèm.

4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn:

Tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện là: 2208/2208 hộ, đạt 100%.

c. Đánh giá: Đạt

5. Tiêu chí số 5: Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định: Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1). Xã có ≤ 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện nay xã có 03 trường học

Trường Mầm non Tân Trường:

Trường mầm non Tân Trường Có 2 khu bao gồm: Khu chính tại thôn 7 xã Tân Trường có diện tích là 2.910,3m²; Khu lẻ tại thôn Đồng Lách (bao gồm cả lớp học của trường Mầm non và trường Tiểu học) có diện tích là 671,4m². Hiện nay trường đang được quy hoạch mở rộng khuôn viên, làm khu vui chơi, vườn cổ tích cho trẻ ở khu chính với diện tích: 2.515,2m².

Trường mầm non Tân Trường được Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Thanh Hoá công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, tại quyết định số 1184/QĐ-SGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2023 và được Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa công nhận và cấp bằng công nhận cho trường Mầm non Tân Trường, thị xã Nghi Sơn đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 tại Quyết định số: 3492/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023.

Trường Tiểu học Tân Trường:

Trường Tiểu học Tân Trường Có 2 khu bao gồm: Khu chính tại thôn 7 với diện tích là 6002,7m²; Khu lẻ tại thôn Đồng Lách (bao gồm cả lớp học của trường Mầm non và trường Tiểu học) có diện tích là 671,4m². Hiện nay trường đang được quy hoạch mở rộng khuôn viên, xây mới phòng học tại khu chính với diện tích: 5.630,2m².

Trường tiểu học đã được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo các quy định, chất lượng cho công tác dạy và học trong tình hình mới. Nhà trường đã hoàn

thiện hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt đạt Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2024.

Trường THCS Tân Trường:

Trường THCS Tân Trường Có diện tích là 6315,0 m². Hiện nay trường nằm trong quy hoạch dự án nên không thực hiện được việc tu sửa, xây mới các công trình phụ trợ để đảm bảo tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Trong kế hoạch trường sẽ được di chuyển lên khu trung tâm của xã. Hiện tại sở vật chất của nhà trường đảm bảo việc cho việc dạy và học theo tiêu chuẩn của bộ Giáo dục.

Tự đánh giá: Đạt

6. Tiêu chí số 6. Cơ sở vật chất văn hoá

a. Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã

- Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu 2.500m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng và 1.500m² đối với xã thuộc huyện miền núi, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

Trong đó:

+ Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt 500m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 300m² đối với xã thuộc huyện miền núi.

+ Diện tích đất quy hoạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt 2000m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 1.200m² đối với xã thuộc huyện miền núi.

- Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 200 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện miền núi.

- Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đạt

6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã:

- Quy hoạch: Xã đã quy hoạch được quỹ đất 2.600m² xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã nằm trong khu công sở của xã, trong đó: Diện tích đất Nhà văn hóa: 600m², Diện tích đất Khu thể thao 2.000 m² (hiện nay xã Tân Trường đang tiến hành các thủ tục quy hoạch diện tích đất 2.500m² để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã riêng biệt với khu hành chính xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Xây dựng thiết chế Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã:

+ Nhà văn hóa đa năng: Xã có Nhà văn hóa được xây dựng với diện tích: 555 m², sức chứa 300 chỗ ngồi (có đầy đủ các trang thiết bị như: bàn, ghế, âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh, khánh tiết, khẩu hiệu, các dụng cụ tập luyện thể thao phục vụ nhân dân trong xã; có 05 phòng chức năng (hành chính; đọc sách báo - thư viện, thông tin truyền thanh, câu lạc bộ, phòng tập thể thao) được bố trí trong khuôn viên công sở xã.

+ Sân thể thao: Xã có sân thể thao, diện tích 2.000m² phục vụ các môn thể thao bóng chuyền, cầu lông,...

+ Sân vận động: Xã đã xây dựng được sân vận động với tổng diện tích: 5.000m² (công trình hoàn trả lại sau dự án đường cao tốc Bắc - Nam). Hiện nay đã lập quy hoạch ở vị trí mới với diện tích: 3,47 ha (Theo Quyết định số: 2093/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Trường (phân khu đô thị DT-14), Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

- Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đã được xây dựng hệ thống tường rào bao quanh. Vệ sinh môi trường và cảnh quan đảm bảo sạch sẽ, thân thiện.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao đã thực hiện việc gắn biển tên: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Trường.

- Xã đã xây dựng Kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao cộng đồng năm 2024 trên địa bàn xã.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đạt theo quy định.

Hiện nay, xã đã bố trí được 01 điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đặt trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã với diện tích: 500m² (hiện nay xã Tân Trường đang tiến hành các thủ tục quy hoạch diện tích đất 300m² để xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi độc lập trình cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Đối với trẻ em: Mặt sân phẳng, sạch, không chơn trượt; đã lắp đặt được 05 thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em, gồm: Thang leo cầu trượt đa năng, thiết bị tập lưng eo, xích đu gia đình, thang leo đơn, nhà chòi cầu trượt đơn.

- Đối với người cao tuổi: Có không gian rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát nằm trong khuôn viên 500 m² của điểm vui chơi, giải trí, thể thao; có cây xanh, bàn ghế đá và các thiết bị phù hợp với hoạt động thư giãn như: đi bộ, tập dưỡng sinh, chơi bóng, chơi cờ, đọc sách báo,...

- Xã Tân Trường đã xây dựng được Kế hoạch phòng, chống đuối nước cho trẻ em năm 2024.

6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

- Xã Tân Trường có 11/11 thôn có Nhà văn hóa, đạt 100%;

- Diện tích đất xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn từ 800m² trở lên, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 2393/VBHN-BVHTTDL ngày 22/7/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong đó: diện tích đất Nhà văn hóa từ 300m² trở lên, diện tích sân tập thể thao đơn giản từ 500m² trở lên (tại phụ biểu kèm theo).

- 13/13 Nhà văn hóa (đạt 100%) có số chỗ ngồi đáp ứng 2/3 đại diện số hộ dân của thôn, có sân khấu, có sân tập thể thao đơn giản (*tại phụ biểu kèm theo*); Các nhà văn hóa thôn đã bố trí được công trình phụ trợ như: khu vệ sinh, nơi để xe, cây cảnh, cổng và tường rào bảo vệ. Cảnh quan khu vực Nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn sạch sẽ, thân thiện.

- 100% các thôn bố trí đủ trang thiết bị của Hội trường Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn như: Bộ trang âm: ampli, micro, loa; bộ trang trí khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, bục và tượng Bác, phong sân khấu, khẩu hiệu; bàn ghế phục vụ sinh hoạt; tủ sách và một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao của địa phương như: bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng,...

- 11/11 Nhà văn hóa (100%) đã thực hiện gắn biển tên: Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

- Các thôn đã xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ - thể dục, thể thao, câu lạc bộ tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, phát huy được giá trị và thu hút người dân tham gia các hoạt động tại thiết chế văn hóa thôn.

c. Tự đánh giá: Đạt

7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu:

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa:

- Đối với xã có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021- 2025, phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định.

- Đối với xã không có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025 hoặc có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn sau năm 2025 và chưa có chợ thì phải có cửa hàng tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 về Hạ tầng thương mại nông thôn (Chợ nông thôn) với nội dung sau:

*** Về mặt bằng, diện tích xây dựng chợ:**

- Chợ Tân Trường họp vào các ngày chẵn - Âm lịch hàng tháng.
- Diện tích chợ là 4901.8 m², gồm 04 công trình kiên cố.
- Quy mô gồm 35 gian hàng, diện tích mỗi gian hàng là 3.0 m²; có 20 hộ cá nhân kinh doanh cố định; Đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong xã và các xã lân cận. Các mặt hàng hóa chủ yếu là: Rau, củ, quả, thịt, cá, hàng tạp hóa, quần áo và giày dép...

*** Về kết cấu nhà chợ chính:**

Nhà chính được xây dựng kiên cố; Khuôn viên chợ có hệ thống tường rào bao quanh, nền và sân chợ đã được đổ bê tông, khu vực nền thoát nước tốt, không bị đọng nước và dễ làm vệ sinh. Trần nhà, mái che, tường, cột làm bằng vật liệu bền, chịu lửa.

*** Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:**

- Hệ thống chiếu sáng: Chợ sử dụng phương pháp chiếu sáng chung đều kết hợp với chiếu sáng cục bộ (những khu vực có nhu cầu về độ rọi đặc biệt).

- Về vệ sinh môi trường: Chợ có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày, ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường, đã lắp biển thông báo giữ vệ sinh chung.

- Nhà vệ sinh được bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm và được xây dựng đáp ứng điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà tiêu dột nước tự hoại, có 2 nhà vệ sinh trong đó có 1 nhà vệ sinh nữ và 1 nhà vệ sinh nam; Khu vực vệ sinh có dụng cụ bao gồm xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay.

- Nguồn nước sử dụng trong chợ: Nguồn nước sử dụng trong chợ được cấp bởi giếng Khoan; Có hệ thống cấp nước sạch và rãnh thoát nước riêng, đảm bảo thông thoáng và dễ dàng thông tắc, không bị tồn đọng rác thải, có một bể nước 10 m³ dùng cho công tác vệ sinh chung của Chợ.

- Các quầy hàng kinh doanh thực phẩm đã có biển hiệu ghi rõ họ tên mặt hàng kinh doanh; họ tên, số điện thoại liên hệ của chủ cơ sở kinh doanh và được đóng cố định tại vị trí dễ quan sát của gian hàng.

- Có khu vực để xe nền bằng bê tông, phù hợp với lưu lượng người vào chợ, được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách.

- Có phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy, chợ được trang bị 04 bình chữa cháy đảm bảo chất lượng (có phương án phòng cháy chữa cháy kèm theo).

*** Về điều hành quản lý chợ:**

- Chợ Tân Trường đã được UBND thị xã phê duyệt Nội quy chợ trong đó: quy định về việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm kinh doanh tại chợ. Nội quy được niêm yết tại chợ và phổ biến cho các hộ kinh doanh thực hiện.

- Có quyết định thành lập Ban quản lý chợ và quyết định thành lập Tổ giám sát an toàn thực phẩm tại chợ để kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại chợ.

Ban quản lý chợ, tổ giám sát an toàn thực phẩm thường xuyên vận động, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong chợ ký Cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với UBND xã.

- Thực phẩm kinh doanh tại chợ bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong chợ không có các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, Chợ Tân Trường đang hoạt động bình thường, có cơ sở pháp lý để quản lý chợ theo quy định của pháp luật.

Chợ xã Tân Trường đạt các yêu cầu về tiêu chí theo quy định của Sở Công Thương đề ra và được công nhận đạt chợ kinh doanh thực phẩm tại Quyết định số QĐ số 1036/QĐ-SCT ngày 23/8/2024.

c. Tự đánh giá: Đạt

8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Đạt

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Đạt

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính:

Xã có điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông là: Số điểm phục vụ trong xã: 01 (một) điểm phục vụ. Mã số hiệu: 456830. Bán kính phục vụ bình quân: tối đa 3 km. Thời gian phục vụ: tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

Cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của Nhà nước, bao gồm: Dịch vụ bưu chính phổ cập: Là dịch vụ thư cơ bản, có địa chỉ nhận, có khối lượng đơn chiếc đến 02 ki-lô-gam (kg), bao gồm: Dịch vụ thư cơ bản trong nước; Dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước; Dịch vụ thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam. Dịch vụ gói, kiện hàng hóa: Tối thiểu phải cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg. Dịch vụ bưu chính phục vụ quốc phòng, an ninh. Các nhiệm vụ đặc thù khác trong lĩnh vực bưu chính.

Điểm Bưu điện - Văn hóa xã: Có mặt bằng giao dịch khang trang, xanh, sạch, đẹp, trang thiết bị phù hợp đảm bảo cung ứng các dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ: Bưu điện văn hóa xã Tân Trường, bưu điện thị xã Nghi Sơn, bưu điện tỉnh Thanh Hóa. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ cụ thể:

+ Sáng từ 7h 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút.

- Bố trí 01 Tủ sách, 03 bàn máy tính công ích, bàn ghế thuận lợi để phục vụ việc đọc sách báo miễn phí cho người dân.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet:

Xã Tân Trường có hạ tầng viễn thông cố định sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến 100% các thôn trên địa bàn xã; Có hệ thống thông tin di động phủ sóng cung cấp dịch vụ di động băng thông rộng; Hạ tầng viễn thông sẵn sàng cung cấp dịch vụ điện thoại cố định, điện thoại di động, dịch vụ truyền hình qua mạng viễn thông (IPTV), dịch vụ Internet băng thông rộng cho Nhân dân trong xã. Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành; Các tuyến cáp viễn thông, Internet, truyền hình treo trên cột được lắp đặt gọn gàng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo mỹ quan.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn:

Xã Tân Trường có 01 hệ thống đài truyền thanh có dây, với 2 máy tăng âm: Công suất 01 máy 700 W, 01 máy 1000W, đang hoạt động tốt; 10/11 thôn (đạt 90,9%) có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã. Xã đã ban hành Quyết định về việc bố trí nhân sự vận hành hoạt động Đài truyền thanh, quy chế hoạt động của Đài truyền thanh; Phương án đảm bảo an toàn, an ninh

Đài Truyền thanh; Có nhật ký và lưu trữ tin, bài của Đài truyền thanh. Hoạt động của Đài truyền thanh, xã thực hiện theo Quyết định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ về Quy định của hoạt động thông tin cơ sở.

8.4. Xã có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Cán bộ, công chức xã được trang bị máy vi tính phục vụ công việc là 14/14 đạt tỷ lệ 100%; Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc đã được khai thác, sử dụng hiệu quả, 100% văn bản đến được cập nhật, xử lý, ký số và gửi đi trên phần mềm, xã đã ban hành quy định về việc sử dụng phần mềm; 100% cán bộ, công chức của xã đã được cấp hộp thư điện tử công vụ của tỉnh; Phần mềm Một cửa điện tử được sử dụng hiệu quả, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, cập nhật, xử lý và có kết quả xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của xã đạt 98,6%.. Trang thông tin điện tử của xã đã cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định (Địa chỉ trang thông tin điện tử của xã: <https://tantruong.thixanghison.thanhhoa.gov.vn/>).

c. Tự đánh giá: Đạt

9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu:

9.1. Nhà tạm, dột nát: Không

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: $\geq 85\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

9.1. Tổng số hộ có nhà ở trên địa bàn xã năm 2024: 2208 hộ. Trong đó:

- Số hộ có nhà ở tạm, dột nát: 0 hộ, chiếm tỷ lệ 0%;

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng:

+ Số nhà ở đạt chuẩn BXD có số lượng: 2125 nhà (đạt 96.2 %).

+ Số nhà ở không đạt chuẩn BXD có số lượng: 83 nhà (chiếm 3.8 %).

c. Tự đánh giá: Đạt

10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người) năm 2024: 61.5 triệu đồng/ người

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ: 2.174 hộ = 8414 khẩu;

Số lao động trong độ tuổi trung bình trong năm: 6.315 người;

Tổng thu nhập trong xã: 518,116 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân đầu người đạt: 61,5 triệu đồng/người/năm.

c. Tự đánh giá: Đạt

11. Tiêu chí số 11. Nghèo đa chiều

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025: <6,5%

b. Kết quả thực hiện

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{43 - 19}{2023 - 19} \times 100\% = 1.05 \%$$

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (\%)} = \frac{89 - 7}{2023 - 7} \times 100\% = 3.57 \%$$

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều (\%)} = 1.05 \% + 3.57\% = 4.62 \%$$

Trong đó: Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: 4,62%

c. Đánh giá: Đạt

12. Tiêu chí số 12: Lao động

a. Yêu cầu tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 75\%$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 25\%$

b. Kết quả thực hiện:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{3997}{5219} \times 100\% = 76.59 \%$$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{1357}{5219} \times 100\% = 26 \%$$

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): đạt 76,59%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ: đạt 26%

c. Đánh giá: Đạt.

13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của Pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương: Đạt.

13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: Đạt.

13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Đạt.

13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường: Đạt.

13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả: Đạt.

b. Kết quả thực hiện:

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương: Trên địa bàn xã có 01 HTX dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp Tân Trường (thành lập năm 2018); có tổng số 11 thành viên do ông Lê Văn Diễn là đại diện theo pháp luật với tổng giá trị phần đóng góp là 1 tỷ 500 triệu đồng. HTX hoạt động kinh doanh, dịch vụ độc lập trong lĩnh vực nông nghiệp như: dịch vụ tưới tiêu, thủy lợi nội đồng, dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp, chuyển giao KHKT. Đáp ứng được nhu cầu sản xuất của người dân, dịch vụ bao tiêu sản phẩm nông nghiệp. Nhân dân yên tâm trong sản xuất tạo thu nhập ổn định đáp ứng cơ bản đời sống của nhân dân.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: UBND xã xây dựng kế hoạch trồng và phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương. Trong đó lúa là một trong những sản phẩm chủ lực, những năm gần đây, xã Tân Trường Quy hoạch vùng sản xuất lúa thương phẩm, lúa chất lượng cao ổn định với diện tích 5 ha tại thôn Quyết Thắng, với mục đích Chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp cá lúa. Hàng năm, tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường sản xuất theo đúng lịch thời vụThu nhập bình quân 1 ha canh tác Năm 2023 đạt 112 triệu đồng/năm. Năm 2024 đạt 115 triệu đồng/năm.

Hiện nay ,tổ hợp tác sản xuất lúa Tân Trường đã ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn để bao tiêu sản phẩm cho các hộ dân trên địa bàn xã.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Với các sản phẩm sản xuất nông nghiệp tại địa phương có quy mô diện tích; chất lượng, giá trị kinh tế phát huy được tiềm năng thế mạnh của địa phương như: Lúa, cây lâm nghiệp.... Địa phương đã hướng dẫn và khuyến khích nông hộ tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của thị trường, xây dựng 01 sản phẩm đạt tiêu chí Vietgap, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm Lúa. Cơ sở sản xuất Lúa trên địa bàn xã ký hợp đồng kinh tế với bên thu mua là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường. Sản phẩm lúa trên địa bàn đã được doanh nghiệp chế biến và ký hợp đồng với Trung tâm kinh doanh VNPT - Thanh Hoá để ứng dụng chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm

đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

- “Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường”: Hiện nay, trên địa bàn xã Tân Trường không có làng nghề, làng nghề truyền thống.

- “*Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*”: Xã có Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND xã Tân Trường, gồm 08 thành viên và hoạt động có hiệu quả (Tổ đã thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền về hỗ trợ phát triển sản xuất; tham gia 02 mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong nông nghiệp, tham gia tổ chức 02 lớp/219 học viên đào tạo, tập huấn cho nông dân; tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương).

c. Đánh giá: Đạt

14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và Đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt

14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): $\geq 85\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 14.1: Trong các năm 2021, 2022, 2023 đơn vị xã Tân Trường phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Được đánh giá tại: Quyết định số 12559/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 về việc công nhận kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 đối với xã Tân Trường; Quyết định 10450/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc công nhận kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022; Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc công nhận kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

* Kết quả: Công tác xóa mù chữ: Đạt chuẩn mức độ 2

Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).

Năm học 2021 – 2022: Số học sinh tốt nghiệp THCS là: 137/140 học sinh đạt tỷ lệ 97,86%. Trong đó học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) là 126/137 học sinh chiếm tỷ lệ 91,97%.

Năm học 2022 – 2023: Số học sinh tốt nghiệp THCS là: 109/113 học sinh đạt tỷ lệ 96,46%. Trong đó học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) là 104/109 học sinh chiếm tỷ lệ 95,41%.

Năm học 2023 – 2024: Số học sinh tốt nghiệp THCS là: 156/163 học sinh đạt tỷ lệ 95,71%. Trong đó học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) là 152/156 học sinh chiếm tỷ lệ 97,44%.

Tự đánh giá: Đạt

15. Tiêu chí số 15: Y tế

a, Yêu cầu:

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 90\%$

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Đạt

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 22\%$

15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử: Đạt

Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt $\geq 90\%$.

- Tổng dân số trong địa bàn xã là: 8434 khẩu (Trong đó có 55 người xuất khẩu lao động). (Có xác nhận của Chi cục Thống kê thị xã Nghi Sơn về số liệu thống kê dân số đến thời điểm tháng 8/2024).

- Thân nhân Quân đội TQ: 16 người.

- Thân nhân Công An : 25 người.

- Xuất khẩu lao động : 55 người.

- Số người có thẻ BHYT có khẩu tại địa phương nhưng tham gia BHYT ở ngoài xã, ngoài tỉnh: 903 người.

- Số người tham gia bảo hiểm y tế ở các nhóm đối tượng : 7177 người (Có các báo cáo biểu mẫu kèm theo).

Tỷ lệ đạt: 96.28 %

Chỉ tiêu 15.2: Xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế: Đạt

* Các biện pháp đã triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng, ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 04/3/2024 về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn xã Tân Trường. Tập trung chỉ đạo; huy động các ban, ngành, tổ chức đoàn thể, các thôn tích cực phối hợp triển khai thực hiện. Chỉ đạo Trạm Y tế thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn, hỗ trợ của Trung tâm Y tế thị xã.

* Kết quả đạt được: xã Tân Trường đã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030, theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 22\%$

* Các biện pháp đã triển khai thực hiện.

Hàng năm, xã đã xây dựng, ban hành, tổ chức, triển khai thực hiện: Kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; Kế hoạch thực hiện chiến dịch uống bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-59 tháng tuổi; tẩy giun cho trẻ 24-60 tháng tuổi và cân, đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ từ 0-59

tháng tuổi (vào dịp Ngày Vi chất dinh dưỡng 1/6 và 1/12). Truyền thông giáo dục các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

* Kết quả đạt được:

- Năm 2020: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 12,59% thể cân nặng/tuổi là 9,96%
- Năm 2021: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 12,47% thể cân nặng/tuổi là 9,78%
- Năm 2022: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là: 12,42%; thể cân nặng/tuổi là: 9,55%;
- Năm 2023: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 12,35%; thể cân nặng/tuổi là 9,25%;
- Năm 2024: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là: 9,0%; thể cân nặng/tuổi là 8,0% (*Có hồ sơ kèm theo*).

Chỉ tiêu 15.4: Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử: Đạt

* Các biện pháp đã triển khai thực hiện.

Xã đã ban hành Kế hoạch số 293/KH-UBND, ngày 10/9/2022 về triển khai lập hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Tân Trường giai đoạn 2022-2025.

Trạm Y tế đã thường xuyên cập nhật các thông tin về sức khỏe trên Sổ khám chữa bệnh điện tử cho người dân trên địa bàn.

* Kết quả đạt được:

Tổng số người dân đã được lập Sổ khám, chữa bệnh điện tử (tính đến ngày 05/12/2024) là: 8418/8466 người, đạt 99,4%.

c. Đánh giá: Đạt

Đánh giá: Tiêu chí 15 Đạt

16. Tiêu chí số 16: Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới: $\geq 75\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

*** Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định**

- Năm 2022: Toàn xã có 1759/2.303 hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 76,3 % (Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của UBND xã Tân Trường); có 9/11 khu dân cư đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa, đạt 81,8 % (Quyết định số 11439 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã Nghi Sơn);

- Năm 2023: Toàn xã có 1761/2303 hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 76,4% (Quyết định số 509/QĐ – UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của UBND xã Tân Trường); có 9/11 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa, đạt 81.8% (Quyết định số: 7605/ QĐ – UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Nghi Sơn).

- Năm 2024: Dự kiến có từ 78% trở lên hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa và có 10/11 thôn được công nhận danh hiệu Thôn văn hóa, đạt 90,9%.

Năm 2024, trên địa bàn xã Tân Trường không xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm. Xã đã xây dựng được mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (thành lập các CLB phòng, chống bạo lực gia đình tại 11/11 thôn).

*** Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.**

Xã Tân Trường đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 và triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới đúng thời gian, lộ trình theo quy định.

c. Tự đánh giá: Đạt

17. Tiêu chí số 17: Môi trường và An toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn là $\geq 45\%$
 $\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung (không áp dụng đối với các xã thuộc Khu vực I của các huyện miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt 95%.

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung: Đạt.

17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn : $\geq 2 \text{ m}^2$ / người.

17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch : Đạt.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: $\geq 75 \%$

17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường : 100%

17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch : $\geq 85 \%$

17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: $\geq 70 \%$

17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn : $\geq 30 \%$

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định : $\geq 50 \%$

b. Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 45\%$; $\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung.

Số hộ sử dụng nước theo quy chuẩn trên địa bàn xã là 1108 hộ/ 2174 hộ đạt 50,96 %.

Hiện nay UBND xã đã cho hơn 20% số hộ trên địa bàn đăng ký sử dụng hệ thống cấp nước tập trung. Có kế hoạch, hợp đồng với đơn vị cung cấp nước sạch tập trung theo quy định.

Chỉ tiêu 17.2: Các cơ sở SX-KD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

- Hiện tại trên địa bàn xã có 77 cơ sở sản xuất- kinh doanh, có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Hàng năm xã có các Kế hoạch, thông báo tuyên truyền, vận động người dân định kỳ tham gia tổng vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh thoát nước, cải tạo ao, hồ, nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, thu vớt rác thải trôi nổi trên sông, khu vực ven bờ sông... Nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường không khí tại địa phương trong các dịp lễ tết, các đợt cao điểm, các kế hoạch hướng dẫn của cấp trên.

- Tập trung công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường và luôn được cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các ngành đoàn thể quan tâm đúng mức, bằng nhiều hình thức tuyên truyền như: tin bài về tìm hiểu Luật bảo vệ môi trường trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn xóm, tuyên truyền bằng khẩu hiệu, pano, áp phích. Giao cho công chức văn hóa, đài truyền thanh xã thường xuyên có tin bài, có chuyên mục về bảo vệ môi trường để tuyên truyền cho nhân dân hiểu và thực hiện.

- Tuyên truyền thông qua việc cam kết “*bảo vệ môi trường*” giữa chính quyền với MTTQ, các ngành đoàn thể, cam kết giữa các ngành đoàn thể đến gia đình hội viên đoàn viên, cam kết của các thôn đến từng hộ nông dân.

* Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường đạt 100%.

Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh-sạch-đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

* Đối với hệ thống cây xanh: Toàn xã có 12km đường có hệ thống cây xanh gồm cây bóng mát, cây hoa... được trồng trên các tuyến đường trục của xã, thôn, các khu vực Tái định cư.. phù hợp với quy hoạch tạo cảnh quan môi trường không gian xanh phù hợp, không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông cũng như các công trình công cộng. Tại các trụ sở xã, nhà văn hóa các thôn, trường học, trạm y tế.... đều được trồng các loại cây cổ thụ, cây xanh, cây cảnh, cây hoa.... được trồng và bố trí phù hợp để tạo cảnh quan thêm xanh sạch đẹp. Diện tích trồng cây xanh ước đạt lớn hơn $2m^2/\text{người}$. với dân số toàn xã 8.466 người. Ước đạt diện tích đã trồng cây xanh $17.000m^2$. 85% số hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh, hoặc hàng rào xây có phủ cây xanh. Đầu năm UBND xã có tổ chức ra quân thực hiện tết trồng cây, phát động nhân dân, các ban ngành, đoàn thể trồng cây xanh nơi công cộng và ven đường giao thông trong xã.

* Đối với hệ thống kênh mương: Toàn xã có 11 tuyến kênh mương với chiều dài 18,1km được Hợp tác xã thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy, tu bổ hàng năm. Đoàn thanh niên với mô hình dòng sông không rác đã đảm nhiệm thực hiện dọn rác, cỏ 1 tuyến kênh mương sông chu quản lý dài 5 km luôn sạch đẹp, thông thoáng. Các tuyến kênh mương trong xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải.

* Đường làng ngõ xóm: Trên địa bàn toàn xã đã có tất cả 150 tuyến giao thông nông thôn, nội đồng với tổng chiều dài 50 km, hiện nay đã được cứng hoá 30 km = 60%. Tất cả các tuyến đường hàng năm đều được tu bổ, đắp lè, phát dọn hành lang và nạo vét rãnh thoát nước dọc hai bên đường. Trên các tuyến đường không có tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường, tập kết vật liệu xây dựng làm mất cảnh quan và an toàn giao thông.

Hàng tuần các thôn đều tổ chức cho nhân dân quét dọn, vệ sinh đường làng ngõ xóm, thường xuyên tổ chức phát dọn cây xanh tỏa ra đường, đảm bảo đường làng, ngõ xóm sạch sẽ, thông thoáng. Toàn xã tổ chức thu gom rác thải tập trung để đưa về nơi xử lý tập trung theo quy định.

* Đối với khu vực công cộng: Tại các khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học, nhà văn hóa các thôn thường xuyên được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, quy hoạch trồng cây xanh, cây hoa phù hợp với cảnh quan và có nước sinh hoạt, nhà vệ sinh an toàn. Việc xây dựng, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước các thôn được nhân dân rất ủng hộ và thực hiện nghiêm túc. Toàn xã có 11/11 thôn đã xây dựng hương ước, quy ước xây dựng làng văn hóa, trong đó có nêu cụ thể quy ước về bảo vệ môi trường như các hộ phải cùng làng, xóm tham gia các hoạt động đảm bảo môi trường xanh, sạch đẹp. Không có các hành vi gây ô nhiễm môi trường sống trên địa bàn xã.

Chỉ tiêu 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2$ / người

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông xã: Diện tích đất cây xanh trên địa bàn của xã : 34.468 m².

Hầu hết phần đất cây xanh của xã, thôn đều do nguồn vốn nhân dân tự bỏ vốn, loại cây trồng chủ yếu là cây xà cừ, nhãn, keo, Sao đen, vú sữa, mít...

Hiện nay dân số trên địa bàn xã là: 8466 người; được xác định theo số liệu đến tháng 8/2024. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư toàn xã là 21.142,6 m² (Tương ứng 2,5 m² /người).

$$T_{\text{Cây xanh}} = \frac{\text{Diện tích đất cây xanh (m}^2\text{)}}{\text{Quy mô dân số trên địa bàn xã}} = 21.142,6\text{m}^2/8466 \text{ người} = 2,5 \text{ m}^2/\text{người}$$

Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Tân Trường đạt 2,5m²/người, đảm bảo theo chỉ tiêu theo vùng thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2024 – 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh.

Chỉ tiêu 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với qui định và theo qui hoạch

Theo Quy hoạch chung điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018, xã Tân Trường thuộc quy hoạch phân khu đô thị số 14, một phần phân khu đô thị số 15; một phần các phân khu công nghiệp số 03, 04, 12, 15; phân khu sinh thái ST-07; phần còn lại chủ yếu là đất đồi núi.

Hiện nay, Quy hoạch các phân khu đô thị, công nghiệp trên địa bàn xã Tân Trường đã được UBND tỉnh phê duyệt. Về cơ bản, ranh giới xã Tân Trường nằm trong các quy hoạch phân khu đô thị, phân khu công nghiệp, phân khu sinh thái, đất đất đồi núi theo Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, được định hướng phát triển công nghiệp, đô thị, sinh thái.

*** Trên địa bàn xã có 21 nghĩa trang:** được quy hoạch cách xa khu dân cư, phân chia khu An táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, xung quanh trồng cây xanh thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân.

Về yêu cầu đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch:

- Các nghĩa trang được quy hoạch cách xa khu dân cư; mỗi nghĩa trang được phân chia khu hung táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, xung quanh trồng cây xanh, hoa, thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân. Nghĩa trang được quản lý và sử dụng hợp lý, việc mai táng cho người từ trần được thực hiện đúng theo quy chế của xã đã ban hành theo quy định của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang; đảm bảo vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng được Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 2/6/2021.

- Trên địa bàn xã hiện nay có 3 hình thức táng đó là: Hung táng, cát táng và hỏa táng; Các chỉ tiêu sử dụng đất đối với trường hợp an táng tại 21 nghĩa trang tuân thủ quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ và các quy chuẩn hiện hành khác. Tuy nhiên, hiện tại do phong tục tập quán nên tại phần cát táng và hỏa táng đã phân theo dòng họ để quản lý và thực hiện vệ sinh cho các mộ; tạo điều kiện thực hiện các nghi lễ tâm linh truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Công tác mai táng được thực hiện đúng quy định, việc an táng của người quá cố được thực hiện trong 24 tiếng, nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Vị trí an táng được xác định cụ thể theo hàng, diện tích đối với mộ hung táng không quá 4 m²; cát táng và hỏa táng không quá 2,5 m²;

- Tại các nghĩa trang sau khi an táng, cát táng sẽ có đội vệ sinh môi trường khu nghĩa trang của từng thôn làm vệ sinh sạch sẽ đảm bảo tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới;

- Các nghĩa trang đã được cắm mốc giới theo quy hoạch và đã được xây hoặc rào bằng hàng rào tre để quản lý.

Công tác ban hành quy chế sử dụng các nghĩa trang trên địa bàn xã:

- Ủy ban nhân dân xã Tân Trường đã ban hành quy chế sử dụng nghĩa trang năm 2021 ;

- Thành lập Ban quản trang để tổ chức thực hiện theo quy chế;

- UBND xã đã giao Hội đồng hương ước các làng văn hóa, Ban công tác Mặt trận thôn thực hiện giám sát việc quản lý của các Ban quản trang, nhân dân tại các thôn trong việc thực hiện mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, đảm bảo hiệu quả cho việc đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm đất đai.

*** Công tác thống kê mai táng để quản lý.**

- UBND xã đã thực hiện thống kê các hình thức táng trên địa bàn xã hàng năm để quản lý, theo đó các trường hợp táng đã thực hiện đúng các quy định hiện hành về mai táng; vận động nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng thay cho hình thức an táng bằng hung táng, cát táng. Tính từ khi xây dựng xã đạt chuẩn NTM, số lượng người từ trần và hình thức táng được thống kê như sau:

+ Năm 2022: Số người từ trần là 36 người; hình thức táng là hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các khu, diện tích các mộ hung táng 4,0 m², hỏa táng 2,5m²; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng;

+ Năm 2023: Số người từ trần là 36 người; hình thức táng là hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các khu, diện tích các mộ hung táng 4,0 m², hỏa táng 2,5m²; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng;

+ Đến tháng 10/2024: Số người từ trần là 22 người; hình thức táng là hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các khu, diện tích các mộ hung táng 4,0 m², hỏa táng 2,5m²; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng.

Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 75\%$

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường có tổ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt tổ chức thu gom rác thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn đến điểm trung chuyển để Công ty môi trường chở đi xử lý tại Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn tại xã Trường Lâm để xử lý.

+ Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày/đêm trên địa bàn khoảng 4656.3 kg, khối lượng được thu gom, xử lý ước đạt 4376.9kg (đạt tỷ lệ 94%).

Rác thải từ các hộ gia đình trước khi vận chuyển đi xử lý được hộ gia đình phân loại bỏ vào thùng đựng rác để trong khuôn viên gia đình, khi đến ngày đổ rác thì mới mang ra ngoài tập kết.

Các hộ gia đình có dụng cụ chứa rác và đổ rác vào xe thu gom rác của công ty dịch vụ môi trường theo thời gian quy định, đồng thời có trách nhiệm đóng lệ phí vệ sinh đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Về chất thải rắn không nguy hại: chủ yếu là sắt thép phế liệu thừa, vỏ hộp lon nước, vỏ bao bì sau sử dụng phát sinh trong sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, khối lượng phát sinh không lớn, các hộ lưu trữ và bán cho các đại lý thu gom.

+ Trên địa bàn xã không có tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung.

Toàn bộ rác thải phát sinh tập kết tại các điểm trung chuyển được Công ty TNHH Môi trường và kiến thiết đô thị Việt Phát vận chuyển và mang đi xử lý, với tần suất thu gom 2 lần/tuần tại Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn theo hợp đồng đã ký kết với UBND thị xã Nghi Sơn.

Chỉ tiêu 17. 7: Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật:

Tại các xứ đồng của tất cả các thôn trong toàn xã đã bố trí lắp đặt các bể chứa rác thải nguy hại (120 bể/360 ha) dạng ống cống có đở kín đáy, có nắp đậy. Các bể này được đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn. Tất cả các bao bì, chai lọ thuốc trừ sâu, trừ cỏ được thu gom tại đây, không vứt bừa bãi và được xử lý theo quy định không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

UBND xã, các tổ chức đoàn thể cùng các thôn thường xuyên lồng ghép tuyên truyền để nâng cao nhận thức của bà con nhân dân về tác hại của việc sử dụng bừa bãi thuốc trừ sâu, trừ cỏ đến môi trường và sức khỏe con người, đồng thời có các biện pháp xử lý nghiêm với các hành vi như lạm dụng quá mức thuốc BVTV, vứt bao bì, chai lọ sau khi phun không đúng nơi quy định.

Kết quả:

* Đối với CTR y tế:

- Thu gom, xử lý CTR y tế theo quy định:

+ Chất thải rắn y tế thông thường phải được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại, CTR sinh hoạt và được quản lý như đối với CTR công nghiệp thông thường.

+ Chất thải rắn nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng biệt với CTR công nghiệp thông thường và CTR sinh hoạt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế.

Đánh giá: Trên địa bàn xã Tân Trường có 01 cơ sở y tế là Trạm Y tế xã Tân Trường.

UBND xã Tân Trường đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với các đơn vị nêu trên thực hiện thống kê khối lượng chất thải y tế và chất thải rắn y tế nguy hại.

Kết quả cụ thể như sau:

+ Tổng khối lượng chất thải rắn y tế và chất thải rắn y tế nguy hại tại cơ sở y tế trên địa bàn xã: 72,6kg/năm (một quý TB 18,15kg)

+ Tổng khối lượng chất thải rắn y tế và chất thải rắn y tế nguy hại tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn xã được thu gom, xử lý: 72,6kg/năm (một quý TB 18,15kg)

+ Tỷ lệ chất thải rắn y tế và chất thải rắn y tế nguy hại tại cơ sở y tế trên địa bàn xã được thu gom, xử lý đạt 100%.

* Đối với bao gói thuốc BVTV sau sử dụng:

Xã Tân Trường với ngành nghề sản xuất chính là sản xuất nông nghiệp, với các cây trồng chính là cây lúa ...

Khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng khoảng: 2,52 tạ/năm.

Để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và thu gom triệt để bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đã được Hội nông dân xã Tân Trường đặc biệt quan

tâm, Hội đã tổ chức tuyên truyền vận động hội viên đóng góp kinh phí mua bể bê tông có nắp đậy đặt tại các điểm cố định trên các xứ đồng, các khu vực đất sản xuất nông nghiệp để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc sau sử dụng, sau đó được thu gom để đưa đi xử lý theo quy định. Tỷ lệ thu gom đạt 100%.

Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch : $\geq 85\%$

Xã Tân Trường đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường phòng, chống bệnh tật, phát động, hưởng ứng phong trào 5 không, ba sạch trên địa bàn xã. Theo báo cáo của xã, đối chiếu với báo cáo tình trạng 3 công trình vệ sinh hàng năm và qua điều tra tại một số hộ gia đình trên địa bàn xã của các đơn vị y tế cho thấy: Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn xã đạt: 2079/2174, đạt 96 %.

Chỉ tiêu 17.9: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt $\geq 70\%$.

- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể xã Tân Trường luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn được thực hiện thường xuyên, nên các hộ chăn nuôi đã có chuyển biến tích cực trong tư duy, nhận thức về vai trò, lợi ích của công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi.

- Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng đảm bảo tách biệt với nơi ở của người; Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường; đa số các hộ chăn nuôi đã đầu tư xây dựng công trình Biogas, Đệm lót sinh học, hố chứa phân để xử lý chất thải trong chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi; tiêm phòng vắc xin đầy đủ, định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số ít hộ chăn nuôi lợn do hệ thống xử lý nước thải chưa đảm bảo, nên đôi khi vẫn còn tình trạng có mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh vào ngày thời tiết nắng nóng.

- Hiện nay (thời điểm kê khai 01/10/2024) trên địa bàn xã Tân Trường không có hộ chăn nuôi quy mô trang trại; Có 648 hộ chăn nuôi nông hộ, với tổng đàn gia súc, gia cầm: 581 con trâu, bò; 1.220 con lợn và 31.373 con gia cầm. Số hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 586 hộ, đạt 90,5 %.

- 100% hộ chăn nuôi thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 và sửa đổi bổ sung tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, yêu cầu đạt 100%: Xã đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo; Ban Nông nghiệp và Tổ giám sát cộng đồng công tác an toàn thực phẩm; Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; xã đã được UBND tỉnh công nhận xã An toàn thực phẩm tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Trên địa bàn xã Tân Trường có 71 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm; tất cả các cơ sở này được ký cam kết hoặc cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định, thường xuyên được kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Chỉ tiêu 17.11: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn chỉ tiêu $\geq 30\%$.

- Từ năm 2020, UBND xã đã thành lập Tổ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt tổ chức thu gom rác thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn đến điểm trung chuyển để Công ty môi trường (hiện nay là công ty TNHH Môi trường và kiến thiết đô thị Việt Phát) chở đi xử lý tại Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn tại xã Trường Lâm để xử lý. Chính vì vậy vệ sinh môi trường trong khu dân cư đảm bảo sạch sẽ và làm cho cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch đẹp.

- Tính đến ngày 01/10/2024, trên địa bàn xã có 2174 hộ (các hộ đang trực tiếp sinh hoạt tại địa phương), trong đó:

Số hộ nộp phí thu gom rác thải: $1915/2174 \text{ hộ} = 88,08\%$.

Số hộ thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: $948 \text{ hộ} / 2174 \text{ hộ} = 43,61\%$

Về chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân được phân loại như sau:

- + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: như bao bì, vỏ lon, nhựa...
- + Chất thải thực phẩm: thức ăn thừa, phụ phẩm nông nghiệp (thân, rế các loại cây rau màu)....
- + Chất thải sinh hoạt khác.

Về chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: các hộ gia đình tự thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

Về chất thải thực phẩm: đa số các hộ dân tận dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn gia súc.

Về chất thải sinh hoạt khác được các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chứa, đựng trong bao bì và chỉ mang ra công khi đến ngày tổ thu gom đi thu gom rác thải.

- Hàng năm xã có các Kế hoạch, thông báo tuyên truyền, vận động người dân định kỳ tham gia tổng vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh thoát nước, cải tạo ao, hồ, nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, thu vớt rác thải trôi nổi trên sông, khu vực ven bờ sông... Nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường không khí tại địa phương trong các dịp lễ tết, các đợt cao điểm, các kế hoạch hướng dẫn của cấp trên.

- Tập trung công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường và

luôn được cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các ngành đoàn thể quan tâm đúng mức, bằng nhiều hình thức tuyên truyền như: tin bài về tìm hiểu Luật bảo vệ môi trường trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn xóm, tuyên truyền bằng khẩu hiệu, pano, áp phích. Giao cho công chức văn hóa, đài truyền thanh xã thường xuyên có tin bài, có chuyên mục về bảo vệ môi trường để tuyên truyền cho nhân dân hiểu và thực hiện..

- Tuyên truyền thông qua việc cam kết “*bảo vệ môi trường*” giữa chính quyền với MTTQ, các ngành đoàn thể, cam kết giữa các ngành đoàn thể đến gia đình hội viên đoàn viên, cam kết của các thôn đến từng hộ.

Chỉ tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$

*** *Thống kê nguồn phát sinh chất thải nhựa***

Chất thải nhựa (CTN) phát sinh trên địa bàn xã chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình, cá nhân, hoạt động sản xuất của nhân dân và từ các khu công cộng.

*** *Thống kê khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định***

- Tổng số hộ trên địa bàn xã: 2174 hộ.

- Số hộ tham gia thu gom, xử lý rác thải rắn sinh hoạt: $1915/2174 \text{ hộ} = 88,08\%$.

- Số hộ tham gia phân loại chất thải rắn tại nguồn: $948/2174 \text{ hộ} = 43.61\%$.

- Về hình thức thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý: đa số các hộ tự phân loại, lưu trữ tại hộ gia đình và bán cho các cơ sở thu gom hoặc tái chế thành các sản phẩm thân thiện đối với môi trường. Tỷ lệ hộ thu gom, tái sử dụng, tái chế đối với chất thải nhựa đạt 74%.

+ Đối với chất thải nhựa không có khả năng tái sử dụng, tái chế: lưu trữ và đóng vào các túi, thùng đựng rác để công nhân thu gom rác tiến hành thu gom xử lý theo hướng rác thải sinh hoạt.

+ Đối với chất thải nhựa nguy hại: lưu trữ và đóng vào các túi riêng, khi khối lượng đủ thì đem tập kết tại thùng đựng rác nguy hại tại nhà văn hóa thôn để Công ty Môi trường Nghi Sơn tiến hành thu gom, xử lý theo hướng rác thải nguy hại.

+ Tuyệt đối không vứt, bỏ tại các ao hồ, kênh rạch, các khu công cộng làm ảnh hưởng tới môi trường.

- Trên địa bàn xã: Hội phụ nữ xã đã thành lập 11 tổ thu gom rác thải nhựa/11 thôn với phong trào "Thu gom phế liệu đến triệu phần quà", phong trào "Ngôi nhà xanh" với việc thu gom phế liệu (vỏ/chai nhựa; vỏ/chai kim loại...) tập kết tại 11 nhà văn hóa thôn.

c. *Tự đánh giá* : Đạt

18. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Đạt

18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đạt

18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đạt

18.4. Tiếp cận pháp luật: Đạt

a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn: Đạt

b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật: Đạt

c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý: Đạt

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội: Đạt

18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:

- 100% cán bộ, công chức xã đủ 18 tuổi trở lên;
- Trình độ văn hóa: 21/21 đồng chí có trình độ THPT, đạt 100%;
- Trình độ chuyên môn: Trình độ đại học và trên đại học 20/21 đồng chí, đạt tỉ lệ 95%; trình độ trung cấp 01/21 đồng chí, chiếm 5% (là đồng chí Chỉ huy trưởng Quân sự).
- Trình độ lý luận chính trị: có 18/21 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị, tỉ lệ 80%.
- Chứng chỉ tin học: 19/21 đồng chí có chứng chỉ tin học, đạt 90%;
- Về quản lý nhà nước: 18/21 đồng chí có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, đạt 85%.

18.2: Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đạt

** Đảng bộ*

+ Năm 2021: Đảng bộ xã Tân Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (Quyết định số 728-QĐ/TU ngày 07/01/2022 của Ban thường vụ Thị ủy)

+ Năm 2022: Đảng bộ xã Tân Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. (Quyết định số 1438-QĐ/TU ngày 30/12/2022 của Ban thường vụ Thị ủy) .

+ Năm 2023: Đảng bộ xã Tân Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. (Quyết định số 2124-QĐ/TU ngày 03/01/2024 của Ban thường vụ Thị ủy)

** Chính quyền*

Hàng năm thực hiện tốt việc tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn xã. Quyết định những vấn đề của xã trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở xã. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy

quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

+ Năm 2021: UBND xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 2021.

+ Năm 2022: UBND xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 2022.

+ Năm 2023: UBND xã Tân Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 10/01/2024).

18.3: Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 100%

Trong 3 năm 2021, 2022, 2023, MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xã Tân Trường đều được MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện đánh giá, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

18.4- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thị xã Nghi Sơn đã tiến hành đánh giá, xác nhận kết quả xây dựng chuẩn tiếp cận pháp luật của xã Tân Trường năm 2023 đảm bảo các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định và Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn đã ban hành Quyết định số: 453/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 Công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội:

Nội dung 1: Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã. Nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã bao gồm: Bí thư Đảng ủy xã, Phó bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó chủ tịch hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch UBND xã, Phó chủ tịch UBND xã hoặc có cán bộ nữ được quy hoạch đề khi khuyết thực hiện bổ trí vào vị trí chủ chốt này theo quy định.

Nội dung 2: Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). Phương pháp tính thực hiện theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phụ nữ tham gia hợp tác xã,} \\ \text{dự án giảm nghèo mô hình liên kết} \\ \text{sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm} \\ \text{chủ lực hoặc mô hình phát triển} \\ \text{kinh tế nông thôn hiệu quả theo} \\ \text{hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế,} \\ \text{văn hóa, môi trường) (\%)} \end{array} = \frac{82}{228} \times 100 = 35.96\%$$

Nội dung 3: Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh (*tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống*).

Nội dung 4: Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình theo quy định tại Quyết định số 1814/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn tạm thời về điều kiện tối thiểu của địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng và Công văn số 1180/SLĐTBXXH-TEBĐG ngày 12/5/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Mô hình Địa chỉ tin cậy – Nhà tạm lánh tại cộng đồng.

Nội dung 5: Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã như quyết định, thông báo hoặc quy chế phân công nhiệm vụ.

Nội dung 6: Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định (Có quyết định thành lập, quy chế làm việc).

Nội dung 7: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh (Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

Nội dung 8: 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH.

18.6: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn:

- Kế hoạch số 32/KH-UBND về bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả của ban phát triển thôn.

- Báo cáo số: 335 /BC-UBND về kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm

- Báo cáo số: 323/BC-UBND về kết quả hoạt động của Ban phát triển thôn trong công tác xây dựng nông thôn mới xã Tân Trường.

- Phụ lục 11, phụ lục 12.

UBND xã đã phối hợp với các phòng ban của thị xã tổ chức tập huấn được 14 lớp bồi dưỡng kiến thức cho người dân nâng cao kiến thức xây dựng nông thôn mới với tổng số lượng tham gia 830 lượt người.

Ban chỉ đạo của các thôn tổ chức họp nhân dân vận động nhân dân đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất khu trung tâm nhà văn hoá các thôn, làm

đường giao thông liên thôn, mỗi năm mỗi khẩu đóng góp 200.000đ/khẩu/năm để làm đường giao thông.

Cùng phối hợp với Mặt trận tổ Quốc và các đoàn thể lấy ý kiến hài lòng của nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Tổng số hộ dân trên địa bàn xã là: 2225 hộ với tổng số nhân khẩu: 8466 nhân khẩu; tổng số dân lấy ý kiến là: 1976 người; Tổng số ý kiến hài lòng: 1618 hộ (đạt 72.7%); Tổng số ý kiến không hài lòng: 230 hộ (đạt tỷ lệ 10.3%).

c. Tự đánh giá đạt

19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

a. Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng : Đạt

19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Đạt.

b. Kết quả đạt được:

19.1 - Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng

Xã Tân Trường có tổ chức BCH quân sự và cán bộ dân quân tự vệ đảm bảo theo quy định và yêu cầu tiêu chí về số lượng, chất lượng, bảo đảm chính sách và cơ sở vật chất; Ban CHQS xã Tân Trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động theo đúng quy định và hướng dẫn của ngành chuyên môn (Theo thông tư số 43/2020/TT - BQP). UBND xã thực hiện tốt việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ:

Trong 03 năm gần kề đều hoàn thành 100% chỉ tiêu quân sự được giao (năm 2022: 9/9 thanh niên; năm 2023: 5/5 thanh niên; năm 2024: 10/10 thanh niên) đảm bảo chất lượng về sức khỏe, văn hóa, tiêu chuẩn chính trị, không để bù đổi, loại trả, không có quân nhân đào bỏ ngũ; đã bồi dưỡng, cập nhật kiến thức QP-AN đối tượng 4 cho 330 đ/c, kết quả 100% đạt yêu cầu; thực hiện tốt lệnh tập trung kiểm tra huấn luyện SSCĐ đều hoàn thành tốt chỉ tiêu được giao; Ban CHQS tổ chức đăng ký đầy đủ phương tiện kỹ thuật sẵn sàng cho nhiệm vụ kiểm tra động viên có lệnh, với 597 phương tiện (45 xe ô tô tải trọng 2,5 tấn đến 5 tấn; 210 xe tải 5 tấn trở lên; 21 xe khách 25 chỗ đến 52 chỗ; 321 xe 4 chỗ đến 7 chỗ). Công tác DBĐV thực hiện đúng theo pháp lệnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện tốt chế độ chính sách cho người có công với cách mạng.

Hàng năm Ban CHQS xã thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết theo quy định. Tình hình an ninh chính trị: Địa bàn xã luôn ổn định, không có các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp kéo dài; không có các tổ chức phản động hoạt động trên

địa bàn; không có các vụ trọng án hình sự. Hàng năm Ban CHQS xã luôn được cấp trên đánh giá là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ và được khen thưởng

19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả:

- Hằng năm Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm ANTT; chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; không xảy ra các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; số vụ tội phạm và tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước. Xã không thuộc địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành Tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội.

Hiện nay phát huy tốt hiệu quả của các mô hình tự quản về ANTT hiện có 06 mô hình trên địa bàn xã gồm: Mô hình camera giám sát đảm bảo ANTT trên địa bàn xã Tân Trường; Mô hình tổ liên gia an toàn về PCCC; Mô hình Cựu chiến binh xã Tân Trường chung tay giúp đỡ người tái hòa nhập cộng đồng; Mô hình Công ty Fecon Hải Đăng tự quản về ANTT gắn với công tác bảo vệ môi trường; Mô hình “Phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại mỏ khai thác đá của Công ty TNHH Trung Nam; Mô hình “Đồng bào dân tộc Thái xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ”). Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ, tập trung đẩy mạnh hoạt động của tổ bảo vệ ANTT, tổ ANXH, các mô hình tự quản ở cơ sở; vận động nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, tích cực phát hiện, tố giác, cung cấp các thông tin có liên quan đến các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Năm 2023, 2024 xã được công nhận là xã đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; Đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của Công an xã hằng năm 2023, 2024 đạt loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” Danh hiệu thi đua của Công an xã hằng năm: Năm 2023: Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” Năm 2024: Công an xã đề nghị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”

c. Tự đánh giá: Đạt

V. TÌNH HÌNH NỘ ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG NTM.

Tổng số công trình xây dựng Chương trình nông thôn mới từ năm 2020 đến 11/2024: 54 công trình. Trong đó:

1. Số công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán: 42 công trình.

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 60,568 tỷ đồng
- Giá trị quyết toán được duyệt: 56,851 tỷ đồng
- Số vốn đã thanh toán: 56,851 tỷ đồng
- Còn nợ: 0 đồng

2. Số công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 03 công trình.

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 1,21 tỷ đồng
- Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu: 1,16 tỷ đồng
- Số vốn đã thanh toán: 0,713 tỷ đồng
- Số vốn đã được bố trí, phân bổ trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 04/01/2024 của HĐND xã Tân Trường: 0,49 tỷ đồng

3. Số công trình đang triển khai thực hiện năm 2024-2025: Có 9 công trình

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 11,236 tỷ đồng
- Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu: 6,222 tỷ đồng
- Số vốn đã thanh toán: 3,121 tỷ đồng

Số vốn đã được bố trí, phân bổ trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 04/01/2024 của HĐND xã Tân Trường; Nghị Quyết 28/NQ-HĐND ngày 16/08/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 Từ nguồn ngân sách xã Tân Trường quản lý.

Như vậy, đến ngày 15/11/2024 trên địa bàn xã Tân Trường không còn nợ đọng XDCB trong xây dựng NTM (tất cả các công trình đã được bố trí vốn).

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những kết quả đạt được:

Thực hiện chương trình xây dựng NTM đến nay xã Tân Trường kết quả đã đạt được những kết quả nổi bật:

- Cùng với sự lãnh chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của các cấp, các ngành và Ban chỉ đạo từ xã đến thôn, sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là tạo được sự đồng thuận và phong trào xây dựng NTM trong các tầng lớp Nhân dân trong xã. Thu nhập bình quân đầu người toàn xã ước đạt 61,5 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chỉ còn 0,58%.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển nhanh, nổi bật nhất là hệ thống đường giao thông, trường học, các thiết chế văn hóa-thể thao cơ sở...tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của dân cư nông thôn trên địa bàn xã.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất, nhất là các sản phẩm thế mạnh của xã (chăn nuôi gia súc, gia cầm, con nuôi đặc sản, thủy sản, rau thực phẩm...). Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đang đi đúng hướng, một số cây trồng, vật nuôi chuyển

đôi có hiệu quả cao như: Lúa năng suất cao, rau an toàn, gia cầm, bò thịt, dê, gà đồi...

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, dân chủ ở cơ sở được phát huy, phong trào quần chúng bảo vệ An ninh Tổ quốc phát triển mạnh; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; trên địa bàn không có trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; lực lượng Công an, Quân sự ngày càng được nâng cao về chất lượng và trách nhiệm, gắn bó với Nhân dân, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đội ngũ cán bộ công chức luôn được đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức lý luận, chuyên môn và thực tiễn, hoạt động tích cực, gần dân, sát dân hơn đã làm nòng cốt trong quá trình xây dựng NTM.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Việc huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới từ nhân dân kết quả đạt thấp;

- Một số mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của nhân dân, việc xây dựng sản phẩm OCOP còn nhiều khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, vận động còn nhiều hạn chế, các phong trào phát động chưa trở thành thường xuyên trong nhân dân.

2.2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan*

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là trong những năm 2021-2022, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì và nâng cao các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, thu nhập, hộ nghèo...

- Xuất phát điểm kinh tế - xã hội của xã thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; trong khi địa bàn xã rộng, nhu cầu nguồn lực đầu tư lớn.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình có nơi, có lúc chưa thường xuyên; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền có lúc chưa sâu sát, chưa năng động sáng tạo trong phát huy thế mạnh địa phương; nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới còn chưa toàn diện.

- Yêu cầu ngày càng cao về phát triển kết cấu hạ tầng, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, thu hút đầu tư từ ngoài ngân sách nhà nước.

3. Bài học kinh nghiệm.

Một là, xây dựng nông thôn thực chất là thực hiện các nội dung cụ thể để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phải gắn xây dựng NTM với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hai là, phải thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải là giải pháp quan trọng hàng đầu. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng

góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công của Chương trình.

Ba là, phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể. Trong đó, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền có vai trò quan trọng. Thực tiễn cho thấy nơi nào các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì trong cùng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét.

Bốn là, phải có cách làm phù hợp với điều kiện của từng thôn thông qua lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách. Có phương thức huy động các nguồn lực phù hợp.

Năm là, phải có hệ thống chỉ đạo, đồng bộ, hiệu quả; có bộ máy giúp việc đủ năng lực, chuyên nghiệp, sát thực tế sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác chỉ đạo có hiệu quả.

Sáu là, lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực đa dạng; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bản bạc dân chủ không gượng ép quá sức dân.

VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI.

1. Quan điểm: “Xây dựng Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”, tiếp tục phát huy hiệu quả bền vững, sau khi đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, xã Tân Trường tiếp tục nỗ lực duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí hơn nữa.

2. Mục tiêu:

- Đối với xã: Giai đoạn 2024-2025 củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí, từng bước thực hiện nội dung các tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao.

- Đối với thôn: Giai đoạn 2024-2025 duy trì các thôn đạt chuẩn và xây dựng 03 thôn đạt Nông thôn mới.

- Đối với chương trình OCOP: Phấn đấu giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn có ít nhất 1 sản phẩm OCOP.

3. Các giải pháp để thực hiện.

- Tăng cường công tác lãnh chỉ đạo: từ xã đến thôn; MTTQ các đoàn thể xã, các thành viên BCD xã được phân công chỉ đạo, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện tốt các nội dung, yêu cầu theo bộ tiêu chí đề ra; gắn trách nhiệm cá nhân trong quá trình chỉ đạo, điều hành và thực hiện ở cơ sở theo lĩnh vực và theo đơn vị được phân công phụ trách;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động: Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền dưới mọi hình thức, làm chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết trong XD NTM và XD NTM nâng cao; làm tốt công tác vận động các nguồn lực để XD NTM, đặc biệt là các nguồn lực từ trong nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Nâng cao thu nhập cho người dân: Tăng cường công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; từng bước hướng nghiệp và chuyển đổi lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp; tăng cường công tác tuyên truyền hướng nghiệp cho các đối tượng đủ điều kiện xuất khẩu lao động.

- Nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho người dân: Duy trì và phát huy các giá trị văn hóa khu dân cư, gìn giữ và phát huy nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của văn hóa dân tộc, khơi dậy truyền thống yêu nước, yêu quê hương; nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đảm bảo chất lượng giáo dục, chất lượng các dịch vụ y tế; bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp ở nông thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng mức độ hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn bao gồm: Hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã: nâng cao tỷ lệ km đường trục thôn, xóm, nội đồng được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục cho giai đoạn tiếp theo trên địa bàn xã; hoàn thiện hệ thống các công trình cùng các trang thiết bị phù hợp (hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, các loại nhạc cụ phù hợp...) phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã; xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Môi trường: Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác thu gom và xử lý rác thải; tuyên truyền, vận động các hộ gia đình cá nhân 03 công trình (nhà tiêu, nhà tắm, bể đựng nước) theo quy định; hướng dẫn cho các hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp chăn nuôi gắn với đảm bảo VSMT như xây hố phân hoặc bể khí sinh học Biogas,... làm mái che cho chuồng trại đảm bảo ấm về mùa đông và thoáng mát về mùa hè; quyết tâm thực hiện đồng bộ việc yêu cầu các hộ thực hiện đúng quy định về VSMT trong chăn nuôi.

- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; An ninh trật tự xã hội ở địa phương được giữ vững.

Với những thành tích đã đạt được trong công cuộc xây dựng NTM những năm qua Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Tân Trường sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu, đoàn kết thống nhất giữ gìn và phát triển bền vững 19/19 tiêu chí đã đạt góp phần xây dựng xã Tân Trường ngày càng phát triển, giàu đẹp./.

Nơi nhận:

- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hóa (B/c);
- VPĐP NTM thị xã Nghi Sơn (B/c);
- TT. Đảng ủy - HĐND xã (để B/c);
- Các thành viên BCD xã;
- Các Ban PT thôn;
- Lưu: VP, BCD XDNTM xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Hùng